Ảnh Hoà Tấn

CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG
Nhận định ban đầu về vốn nhân lực và vốn xã hội

NGUYỄN TRỌNG HOÀI & NGUYỄN HOÀI BẢO

Kế hoạch kinh tế xã hội của VN cũng kỳ vọng đến năm 2020 sẽ trở thành một nước công nghiệp hóa và nền kinh tế phát triển lúc đó dựa vào tri thức. Kỳ vọng này hoàn toàn hợp lý nhưng có thể là khá lạc quan khi chi tiêu cho R&D tại VN từ cấp doanh nghiệp cho đến các ngành công nghiệp chiến lược vẫn còn quá khiêm tốn. Nền kinh tế tri thức thì lại càng khó khả thi khi mà cho đến hiện nay chúng ta có rất ít bài báo đăng trên các tạp chí khoa học nước ngoài nhưng lại rất nhiều bằng cấp sau đại học và có rất nhiều trường đại học đang nở rộ theo diện rộng nhưng một đại học đẳng cấp quốc tế vẫn còn đang loay hoay định hướng.

Trong thập kỷ vừa qua VN và thế giới không thể không tự hào về các thành tích tăng trưởng, xóa đói giảm nghèo, và ổn định vĩ mô trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có quá nhiều biến động. Tuy nhiên nếu nhìn lại các biểu hiện nhạy cảm như ô nhiễm môi trường, qui hoạch thiếu cân đối, đầu tư tràn lan và rò rỉ, tỷ lệ nghèo không ổn định khi tiếp cận với chuẩn mực thế giới, mất cân đối trong phân phối thu nhập giữa các vùng, khả năng cạnh tranh quốc tế bấp bênh... thì thành tích tăng trưởng của VN cần phải nghiên cứu sâu hơn về khía cạnh chất lượng của nó. Hay nói khác đi, tăng trưởng khi xét cả hai mặt số lượng và chất lượng sẽ phải tính đến khía cạnh phát triển bền vững. "Phát triển bền vững là phát triển nhằm đáp ứng những nhu cầu của hiện tại mà không phương hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ sau" (Hội nghị Rio de Janeiro 1992), cụ thể hơn của phát triển bền vững là tăng trưởng được duy trì theo thời gian mà không làm tổn hại đến các nguồn lực của nền kinh tế. Nếu xét theo định nghĩa này thì quả thật hầu hết các nhà làm chính sách tại VN sẽ phải có nhiều quan ngại và hiện đã và đang đặt lên bàn nghị sự trong hầu hết các hội thảo và đại hội từ địa phương đến trung ương.

Chất lượng tăng trưởng sẽ phụ thuộc rất nhiều vào cách mà một quốc gia khai thác các yếu tố có khả năng tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế như đất đai, vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên, trình độ công nghệ, sự ổn định và nhất quán trong các chính sách và hệ thống luật. Nói cách khác, chất lượng tăng trưởng phụ thuộc vào chất lượng và việc phối hợp các loại vốn vật chất, vốn nhân lực, và vốn xã hội trong nền kinh tế. Vốn vật chất có thể huy động từ các nguồn tài nguyên quốc gia hoặc/và thông qua di chuyển vốn của các nhà đầu tư nước ngoài nhưng vốn nhân lực và vốn xã hội của các quốc gia đang phát triển luôn là vấn đề bức xúc khi xét đến khía cạnh chất lượng

tăng trưởng. Điều đơn giản là, trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, các nước nghèo có thể thu hút khá dễ dàng vốn vật chất nếu có một nguồn vốn nhân lực và vốn xã hội chất lượng cao đủ khả năng cạnh tranh với các nền kinh tế khác. Trong khuôn khổ bài báo này chúng tôi chỉ giới hạn một số các cách tiếp cận giải thích chất lượng tăng trưởng và dựa trên khuôn khổ phân tích mối quan hệ vốn nhân lực và vốn xã hội với chất lượng tăng trưởng.

Chất lượng nguồn nhân lực

Tăng trưởng có thể tiếp cận bằng các trường phái khác nhau. Chẳng hạn, nếu tiếp cận theo lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển thì tăng trưởng sẽ bắt nguồn từ sự gia tăng của lao động, vốn và sự thay đổi công nghệ. Tuy nhiên các nhà kinh tế tân cổ điển chưa giải thích rõ công nghệ đến từ đâu và bằng cách nào để thay đổi nó. Lấp bớt khoảng trống đó, nhóm lý thuyết tăng trưởng nội sinh (endogenuos growth theory) [1] thì tăng trưởng có thể bắt nguồn các yếu tố khác nữa là chất lượng lao động hay xa hơn là có sự đóng góp của giáo dục và y tế. Những điều này giúp chúng ta tiếp cận một nguồn vốn thứ hai (ngoài vốn vật thể) của nền kinh tế, đó là vốn nhân lực (human capital). Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, các dòng vốn quốc tế đã và đang dễ dàng di chuyển trên toàn cầu thì một quốc gia dễ dàng nhận được nhanh chóng vốn đầu tư mà họ cần, miễn sao có chính sách khuyến khích đầu tư hợp lý. Tuy nhiên để có thể tiếp thu hiệu quả nguồn vốn vật chất một cách hiệu quả và bền vững thì vốn nhân lực lại trở nên quan trọng và quyết định đến sự tăng trưởng của một quốc gia. Có thể rút ra một nhân tố tác động đến chất lượng tăng trưởng đó là chất lượng lao động và chất lượng lao động ngoài việc phụ thuộc vào yếu tố văn hóa truyền thống nó còn phụ thuộc chủ yếu vào hệ thống giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của một quốc gia. Như vậy, bên cạnh sức khoẻ con người, giáo dục đào tạo có vai trò trọng tâm làm tăng chất lượng nguồn vốn nhân lực trong xã hội. Về mặt định tính, giáo dục có ngoại tác tích cực là khi người học được thụ hưởng một nền giáo dục thực tiễn và năng động họ sẽ trở nên khéo léo và có khả năng phát minh những phương pháp sản xuất hiệu quả hơn và có khuynh hướng làm tăng năng suất trung bình trong xã hội. Về định lượng, thì gần đây IMF đã phân tích được mối quan hệ giữa chất lượng giáo dục đối với tăng trưởng kinh tế [2]. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục được đo lường bằng chất lượng giảng dạy và chất lượng quá trình học tập [3] chứ không phải đo lường một cách chung chung như là số năm học, tỷ lệ biết chữ, xoá mù... Các nền kinh tế Đông Á như Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore đã đạt một hệ thống giáo dục chất lượng khá cao vừa mang tính hiện đại của các nước phương Tây và vừa đảm bảo yếu tố văn hóa truyền thống đã góp phần tạo ra sự tăng trưởng thần kỳ trong giai đoạn 1960 – 1990.

Vốn xã hội: thể chế, luật, và chính sách

Vốn xã hội là tiêu điểm mà trường phái định chế (institution) tập trung phân tích và từ sự khác biệt giữa các quốc gia về loại vốn này được coi là nguyên nhân tạo ra sự khác biệt giàu có giữa các quốc gia trong lịch sử. Vốn xã hội thể hiện ở sự khác biệt của chính sách, hệ thống luật pháp, qui định và những tập quán văn hoá thuận lợi cho kinh doanh và phát triển ...Nói chung, nó là tập hợp những tài sản vô hình trong xã hội giúp giảm thiểu chi phí giao dịch và làm cho thị trường hoạt động hiệu quả hơn. Đó chính là một loại vốn quan trọng đóng góp cho tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng của một nền kinh tế [4]. Theo thời gian và theo từng nhóm quan điểm, vốn xã hội được phân tích bằng nhiều cách khác nhau. Song cho dù như thế nào, nó vẫn được hiểu như là/bằng cách nào đó để sự tương tác giữa các đối tác trong giao dịch, mà thông thường sự tương tác này được điều chỉnh bằng luật thành văn và bất thành văn. Luật thành văn sẽ không bao giờ đầy đủ để điều tiết tất cả các hành vi của các cá nhân trong xã hội. Chính vì thế những khế ước bất thành văn luôn phải tồn tại để lấp các khoảng trống mà luật thành văn chưa điều chỉnh. Trong phát triển kinh tế, chi phí giao dịch càng thấp càng tốt. Một trong các yếu tố xuyên suốt của vốn xã hội giúp giảm chi phí giao dịch đó là sự tin cẩn lẫn nhau giữa các đối tác trong giao dịch, đó có thể là giữa các cá nhân với nhau, giữa cá nhân với chính phủ. Một quan chức hành chính (đại diện cho chính phủ) mà tạo ra được lòng tin với nhà đầu tư, người dân thì rõ ràng là đó là một yếu tố đại diện cho vốn xã hội và góp phần đảm bảo chất lượng tăng trưởng, và từ đó có thể tác động tích cực đến các nhà đầu tư dài hạn. Một xã hội tham nhũng tràn lan là sẽ không những dẫn đến người dân mất lòng tin đối với chính phủ mà của cả những người dân với nhau. Điều này làm chi phí giao dịch trong nền kinh tế tăng lên, và lúc này vốn xã hội là một con số âm trong hàm tăng trưởng hoặc cho dù nền kinh tế có tăng trưởng trong bối cảnh xã hội rối ren cũng không thể bền vững nếu không có giải pháp thích đáng cho vấn đề tham nhũng.

Tóm lại, về phía sản xuất, tăng trưởng có chất lượng phải là sự đóng góp tổng hợp giữa các nguồn vốn khác nhau, vốn vật thể, vốn nhân lực và vốn xã hội. Chỉ có vốn nhân lực và vốn xã hội mới là những yếu tố tạo ra tính bền vững và thúc đẩy phát triển trong dài hạn. Việc mở rộng đầu tư, mà đặc biệt là đầu tư của nhà nước, ngày càng nhiều nhằm đạt đến một tốc độ tăng trưởng theo kế hoạch nào đó chỉ có tác dụng trong ngắn hạn và thậm chí nó sẽ tạo ra hậu quả xấu trong dài hạn nếu như việc tiếp thu các nguồn vốn khổng lồ này bằng một chất lượng nhân lực yếu kém và bộ máy chính phủ phân bổ các nguồn vốn theo kiểu trục lợi và lobby.

Chất lượng tăng trưởng của VN

Tăng trưởng kinh tế của VN trong nhiều năm trở lại đây ai cũng phải thừa nhận là luôn ở mức cao trừ 2 năm sau khủng hoảng kinh tế của các nước ở Đông Á từ năm 1997. Tuy nhiên, khi bàn về vấn đề chất lượng tăng trưởng thì các con số tăng trưởng đạt được trong gần hai thập niên lại là

điều mà các nhà làm chính sách luôn bận tâm với nhiều biểu hiện tương phản như đã nói ở phần mở đầu bài viết này. Cho dù phân tích theo các trường phái tiếp cận nào đi nữa thì chất lượng tăng trưởng của VN quả là đang có quá nhiều bức xúc.

Về phía nguồn tăng trưởng, điều dễ trong thấy nhất trong các vấn đề phân tích ở trên đó là vốn vật thể, mà đặc biệt là vốn đầu tư của nhà nước. Thông thường, để phản ánh chất lượng tăng trưởng, các nhà kinh tế (tân cổ điển) thường đo lường bằng chỉ số ICOR (Icremental Capital -to-Output Ratio). ICOR rất dễ tính toán và cho biết phải tốn bao nhiêu đồng vốn đầu tư để có được một điểm phần trăm tăng trưởng và với chỉ số này thì ICOR càng cao cho thấy hiệu quả của đầu tư càng thấp xét trong dài hạn. Với cách tính toán này, trong báo cáo gần đây của World Bank [5] cho thấy VN là nước có tỷ lệ đầu tư cao thứ ba trong nhóm 23 nước mà họ lựa chọn so sánh. Điều này cho thấy tăng trưởng kinh tế của VN có được phần lớn bắt nguồn từ nguồn vốn vật thể do nhà nước chủ động đầu tư. Và hơn nữa, hiệu quả sử dụng nó còn có nhiều điều cần mổ xẻ. Thật ra, ICOR là một chỉ số thô đo lường (một phần) hiệu quả của vốn đầu tư chứ không thể sử dụng đo lường chất lượng của tăng trưởng.

Cũng các nhà kinh tế tân cổ điển, họ thường đo lường chất lượng tăng trưởng bằng khái niệm gọi là tổng năng suất các yếu tố (Total Factor Productivity-TFP), đó là phần dư ra sau khi đã trừ hết phần đóng góp của vốn vật thể và lao động trong tổng mức tăng trưởng. TFP càng cao cho thấy đóng góp vào tăng trưởng mang tính bền vững từ các nguồn vốn khác ngoài vốn vật chất và lao động càng lớn, và ngược lại. Đó là tập hợp các yếu tố liên quan đến chất lượng nhân lực và vốn xã hội như hệ thống luật pháp, hệ thống tài chính, các qui định từ chính phủ, tính minh bạch thông tin, chiến lược phát triển kinh tế. Do tính toán TFP là điều kỳ công và còn quá nhiều tranh luận, do vậy thay vì tham vọng tìm kiếm một kết quả tin cậy về TFP của VN để có "bằng chứng" rõ ràng về chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế, bài viết này muốn nhìn nhận chất lượng tăng trưởng ở khía cạnh đang thảo luận đó là những yếu tố chất lượng mang tính dài hạn cho sự phồn vinh của VN, đó là các nhận định ban đầu về vốn nhân lực và vốn xã hội.

Vốn xã hội còn được biểu hiện trong sự lựa chọn chiến lược phát triển từ các nhà hoạch định chính sách. VN không là trường hợp ngoại lệ của các nước đang phát triển nên đã và đang lựa chọn tăng trưởng hướng về xuất khẩu. Tuy nhiên tăng trưởng lại chủ yếu dựa vào xuất khẩu tài nguyên thì đó là một vấn đề cần thảo luận thật nghiêm túc nếu như tiếp tục duy trì một thời gian dài hơn nữa. Theo lý thuyết kinh tế phát triển "đàn sếu bay" hoặc mô hình phát triển năm giai đoạn của Rostow thì trình tự phát triển một quốc gia sẽ đi từ xuất khẩu tài nguyên đến các sản phẩm công nghiệp nhẹ, và sau đó là các sản phẩm công nghiệp nặng, sau cùng là các sản phẩm công nghệ cao với hàm lượng tri thức lớn. Hàn Quốc và Đài Loan đã thành công khi đi theo con đường xuất khẩu mà Nhật Bản đã từ bỏ. VN hiện đang xuất khẩu các sản phẩm có khả năng cạnh tranh lại chủ yếu là các loại tài nguyên xuất thô còn các sản phẩm khác như lắp ráp điện tử, dịch vụ tài chính lại có trình độ cạnh tranh yếu. Các nước Đông Á với chiến lược như vậy đã có bước tăng trưởng thần kỳ trong 3 thập kỷ và đã trở thành các quốc gia có thu nhập trên 10.000 USD/người trong giai đoạn 1960-1990. VN nếu chỉ tính nửa thập kỷ 80 cho đến nay đã mất gần hai thập kỷ, cho dù có thành tích tăng trưởng cao, nhưng xuất khẩu chủ yếu vẫn dựa vào các sản phẩm sơ chế giá trị gia tăng thấp và các sản phẩm này chịu ảnh hưởng rất lớn về điều kiện tự nhiên và giá thế giới luôn không ổn định.

Chất lượng nguồn nhân lực đang là điểm nóng của VN khi đề cập đến việc tiếp thu các thành tựu tri thức toàn cầu và đáp ứng các nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Khi VN đang tiếp tục triển khai thực hiện quá trình công nghiệp hóa nhằm thóat khỏi nền kinh tế truyền thống nông nghiệp năng suất thấp thì các nước có thu nhập nhỉnh hơn VN như Trung Quốc và Thái Lan đã có những bước đi đón đầu trong việc đầu tư trở thành cường quốc khoa học hoặc trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao trong khu vực. Thái Lan đã có Học viện AIT từ hơn hai thập kỷ và các trường đại học có khả năng đào tạo theo chuẩn quốc tế. Trung Quốc bắt đầu hướng đến các công nghệ hàng đầu về protein, quantum, nano trong vòng 15 năm tới. Kế hoạch kinh tế xã hội của VN cũng kỳ vọng đến năm 2020 sẽ trở thành một nước công nghiệp hóa và nền kinh tế phát triển lúc đó dựa vào tri thức. Kỳ vọng này hoàn toàn hợp lý nhưng có thể là khá lạc quan khi chi tiêu cho R&D tại VN từ cấp doanh nghiệp cho đến các ngành công nghiệp chiến lược vẫn còn quá khiêm tốn. Nền kinh tế tri thức thì lại càng khó khả thi khi mà cho đến hiện nay chúng ta có rất ít bài báo đăng trên các tạp chí khoa học nước ngoài nhưng lại rất nhiều bằng cấp sau đại học và có rất nhiều trường đại học đang nở rộ theo diện rộng nhưng một đại học đẳng cấp quốc tế vẫn còn đang loay hoay định hướng. Cho dù có truyền thống lao động cần cù, thông minh, khéo tay, và sáng tạo, giá lao động lại rẻ nhưng lao động kỹ năng hiện chỉ chiếm xấp xỉ 20% lực lượng lao động. Ngoài ra thị trường lao động chậm phát triển, mạng lưới an sinh xã hội còn hạn chế, tác phong công nghiệp kém, các cơ sở đào tạo nặng tính hàn lâm, thiếu gắn liền với thực tiễn đã làm cho việc sử dụng nguồn lực này vừa lãng phí lại ít hiệu quả ■

CHÚ THÍCH

[1] Các tác giả tiêu biểu cho nhóm lý thuyết này là Uzawa (1965), Lucas (1988), Romer (1990)

[2] Xem Eric A. Hanushek, 2005, "Why Quality Matters in Education", A Quarterly Magazine of The IMF, June 2005, Vo. 42, No. 2.

[3] Chất lượng giáo dục trong nghiên cứu của Eric được đo lường bằng điểm thi quốc tế của môn toán và các môn khoa học khác.

[4] Các tác giả có đóng góp quan trọng trong phân tích về vốn xã hội là James Coleman, Robert Butnam, Francis Fukuyama, Hernando de Soto. Có thể xem bài "Vốn xã hội" và "Pháp chế và phát triển – Vài nhận xét từ quan điểm kinh tế lý thuyết" của Trần Hữu Dũng có nhiều tóm tắt rất hữu ích.

[5] World Bank, 2004, Vietnam Development Report 2005 – Governance.